

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THÀNH
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 40/2024/HSST

Ngày: 14 - 5 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH, TỈNH THANH HOÁ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông Mai Văn Đảm; Nghề nghiệp: Phó giám đốc Ban Quản lý rừng phòng hộ, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

Địa chỉ: Thị trấn Kim Tân, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

2. Ông Đinh Văn Tân; Nghề nghiệp: Bí thư đoàn xã Thành Yên, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa;

Địa chỉ: xã Thành Yên, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Thắm - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 28/2024/HSST, ngày 02 tháng 4 năm 2024 và theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2024/QĐXXST - HS ngày 02 tháng 5 năm 2024 đối với bị cáo:

Bùi Văn C; Sinh ngày: 15 tháng 9 năm 2002 tại **xã Y, huyện L, tỉnh Hòa Bình;** Nơi cư trú: **Xóm S, xã Y, huyện L, tỉnh Hòa Bình;** Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mường; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: **Bùi Văn V** - Sinh năm: 1964; Con bà: **Bùi Thị T** - Sinh năm: 1964;

Tiền án: Không; Tiền sự: Không

Bị cáo **Bùi Văn C** bị tạm giữ từ ngày 21/01/2024 đến ngày 30/01/2024, chuyển tạm giam từ ngày 30/01/2024 cho đến nay; Có mặt tại phiên tòa.

Những người tham gia tố tụng:

* **Bị hại:** Cháu **Trương Thị X**, sinh ngày: 23/02/2009

Địa chỉ: **Thôn M, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa;** Vắng mặt tại phiên tòa.

* **Người đại diện hợp pháp của bị hại:** Bà **Nguyễn Thị M**, sinh năm: 1979

Địa chỉ: **Thôn M, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.** (Mẹ của bị hại).

Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 3/2023, qua mạng xã hội Facebook, **Bùi Văn C** (Sinh năm 2002, trú tại **xóm S, xã Y, huyện L, tỉnh Hòa Bình**) kết bạn nói chuyện qua lại với nhau và sau đó phát sinh tình cảm yêu đương với cháu **Trương Thị X** (sinh ngày 23/02/2009, trú tại **thôn M, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa**). Trong khoảng thời gian từ tháng 5/2023 đến tháng 11/2023 **C** có đến gặp **X** nhiều lần để đi chơi. Trong khoảng thời gian này giữa **C** và **X** phát sinh quan hệ tình dục (giao cấu) 02 lần cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Vào ngày 25/5/2023, **C** đến đón **X** đi chơi vườn hoa tại **huyện L, tỉnh Hòa Bình** nhưng do vườn hoa không mở cửa nên **C** chở **X** quay về hướng **huyện T, tỉnh Thanh Hóa**. Lúc này khoảng 16 giờ cùng ngày, **C** dừng xe ở chân **cầu C** thuộc địa phận **xã A, huyện L, tỉnh Hòa Bình** để nói chuyện. Cả hai nói chuyện được một lúc thì có mong muốn quan hệ tình dục nên **C** tự cởi quần ra khỏi người và bảo **X** cởi quần ra thì **X** đồng ý. Sau đó **C** và **X** quan hệ tình dục với nhau trong tư thế đối diện nhau (**C** đứng, **X** ngồi trên bậc đá) được một lúc thì thấy có người đi qua nên cả hai dừng lại và tự mặc quần áo rồi **C** chở **X** về nhà tại **xã T, huyện T**. Sau đó **C** về nhà ở của mình tại **huyện L, tỉnh Hòa Bình**.

Lần thứ hai: Vào ngày 10/11/2023, **C** rủ **X** đi uống trà sữa. Đến khoảng 22 giờ, trên đường chở **X** về thì **C** dừng lại ở đường rẽ ra ruộng mía thuộc **thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa** để nói chuyện cùng **X**. Tại đây, **C** và **X** nảy sinh quan hệ tình dục, cả hai cởi hết quần áo (riêng **C** chỉ mặc áo cộc tay) quan hệ tình dục trong tư thế **X** nằm ngửa phía dưới còn **C** nằm sấp phía trên đối diện với **X**. Khi đang quan hệ tình dục với nhau được một lúc thì thấy có nhóm thanh niên đi đến phát hiện nên cả hai dừng lại không quan hệ nữa và ra về.

Quá trình sinh hoạt, thấy con gái có những biểu hiện khác thường nên chị **Nguyễn Thị M** (SN 1979, là mẹ của cháu **Trương Thị X**) hỏi và biết sự việc. Đến ngày 21/01/2024, chị **M** đến Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện T** trình báo nội dung vụ việc và giao nộp chiếc điện thoại chứa tin nhắn nói chuyện giữa **C** và **X**. Căn cứ vào tài liệu thu thập được Cơ quan điều tra đã ra lệnh Giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với **Bùi Văn C** về hành vi giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi quy định tại Điều 145 của Bộ luật Hình sự.

Tại Bản kết luận giám định số 103/KLTDTE-PYTH ngày 26/01/2024 của **Trung tâm pháp y tỉnh T** xác định: **Trương Thị X** mang trình: rách cũ vị trí 7 giờ (không xác định được thời gian rách), không thấy tổn thương nào khác; Âm đạo: tổn thương xung huyết, tấy đỏ vùng tiền đình âm đạo vị trí 7 giờ; **Trương Thị X** không có thai; Test PSA: âm tính; Không thấy hình ảnh tinh trùng và xác tinh trùng trên mẫu đã soi); Kết luận khác: không phát hiện ADN nhiễm sắc thể Y từ dấu vết tắm bông thu chất bám dính trên bộ phận sinh dục của **Trương Thị X**.

Tại Cơ quan điều tra, **Bùi Văn C** đã thành khẩn khai nhận hành vi giao cấu với cháu **Trương Thị X** 02 lần như đã nêu trên. Tại thời điểm giao cấu lần đầu vào ngày 25/5/2023, **X** mới 14 tuổi 03 tháng 02 ngày và lần thứ hai vào ngày 10/11/2023 tại **thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa** (thời điểm này **Trương Thị X** 14 tuổi 8 tháng 18 ngày - là người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi). Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, kết luận giám định, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án.

Về vật chứng vụ án:

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A1K, màn hình cảm ứng, vỏ màu đỏ có ốp nhựa màu đen, điện thoại đã qua sử dụng của **Trương Thị X**.

Quá trình điều tra, xét thấy không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại điện thoại di động cho **Trương Thị X** là chủ sở hữu của tài sản.

Đối với vỏ và ruột chiếc bao cao su mà **Bùi Văn C** đã sử dụng để quan hệ tình dục với **Trương Thị X** trong lần thứ hai tại **thôn Đ, xã T, huyện T**. Tuy nhiên, do thời gian vụ án xảy ra đã lâu, hiện trường có nhiều xáo trộn. Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không thu giữ được.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã tác động cùng gia đình bồi thường cho cháu **Trương Thị X** số tiền là 50.000.000 đồng. Đại diện hợp pháp của bị hại đã nhận đủ số tiền, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm khoản chi phí nào khác và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại bản cáo trạng số 37/CT-VKSTT ngày 01/4/2024, Viện kiểm sát nhân dân (sau đây viết tắt là VKSND) **huyện T, tỉnh Thanh Hóa** đã truy tố bị cáo **Bùi Văn C** về tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi” theo điểm a khoản 2 Điều 145 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đề nghị HĐXX áp dụng: điểm a khoản 2 Điều 145, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt **Bùi Văn C** từ 36 (Ba mươi sáu) tháng đến 42 (Bốn mươi hai) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ.

Về hình phạt tiền bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là tiền đối với bị cáo **Bùi Văn C**.

Về trách nhiệm dân sự: Gia đình bị hại và bị cáo đã thỏa thuận bồi thường xong nên không đề nghị xem xét.

Về vật chứng vụ án: Cơ quan cảnh sát điều tra đã xử lý trong giai đoạn điều tra đúng quy định của pháp luật, nên đề nghị HĐXX không xem xét.

Về án phí: Bị cáo **Bùi Văn C** phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Tại phần tranh luận, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và không có ý kiến tranh luận với đại diện VKS. Trong lời nói sau cùng, bị cáo xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm trở về với gia đình xã hội, làm người công dân có ích.

Người đại diện hợp pháp của bị hại không có ý kiến tranh luận gì và đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận thấy:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra **Công an huyện T**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân **huyện T**, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi,

quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về căn cứ định tội, định khung hình phạt đối với bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, **Bùi Văn C** đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của bản thân như đã nêu trên. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, phù hợp với kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được trong hồ sơ vụ án. HĐXX có đủ cơ sở khẳng định: Bị cáo **Bùi Văn C** là người đã thành niên, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhưng đã 02 lần giao cấu với cháu **Trương Thị X** (Là trẻ em trong độ tuổi từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi). Do đó hành vi của **Bùi Văn C** đã phạm vào điểm a, khoản 2 Điều 145 BLHS. Cáo trạng mà **VKS nhân dân huyện T** truy tố bị cáo về tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi” là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Về tính chất vụ án: Tính chất vụ án là nghiêm trọng do **Bùi Văn C** thực hiện. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm về tình dục của trẻ em; ở độ tuổi nhận thức còn hạn chế nên cháu **Trương Thị X** đã đồng ý cho bị cáo **C** giao cấu. Hành vi của bị cáo làm ảnh hưởng đến thể chất, tinh thần, danh dự của người bị hại, ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường về sinh lý, sức khỏe, đạo đức, nhân cách của người bị hại. Vì vậy, cần có mức án đủ nghiêm trọng, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung. Để pháp luật được tôn trọng, trật tự an toàn xã hội được duy trì; Giáo dục người phạm tội, đấu tranh phòng ngừa tội phạm, hành vi phạm tội của bị cáo phải được xử lý nghiêm minh theo quy định của Bộ luật hình sự và cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ điều kiện để cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân tốt có ích cho xã hội.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng, có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự là “*tự nguyện bồi thường thiệt hại*”; “*thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*”; và 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự là “*Đại diện hợp pháp của bị hại đề nghị giảm nhẹ hình phạt*”. Vì vậy, cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật Nhà nước.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo và gia đình bị hại đã thỏa thuận bồi thường xong, người đại diện hợp pháp của hại không yêu cầu bồi thường thêm nên HĐXX không xem xét.

[6]. Về vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A1K, màn hình cảm ứng, vỏ màu đỏ có ốp nhựa màu đen, điện thoại đã qua sử dụng (Thu giữ của **Trương Thị X**). Quá trình điều tra, xét thấy không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại điện thoại di động cho **Trương Thị X** là chủ sở hữu là đúng quy định của pháp luật.

[7]. Về án phí: Bị cáo **Bùi Văn C** phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.
Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo **Bùi Văn C** phạm tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi”

- Áp dụng: điểm a khoản 2 Điều 145; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

- Xử phạt: **Bùi Văn C** 39 (Ba mươi chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ (Ngày 21/01/2024).

Về án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS; khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14. Buộc **Bùi Văn C** phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử kín sơ thẩm, có mặt bị cáo, người đại diện hợp pháp của người bị hại. Bị cáo, người đại diện hợp pháp của người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người đại diện hợp pháp của bị hại;
- VKSND huyện Thạch Thành;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Công an huyện Thạch Thành;
- Trại tạm giam CA tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Bùi Văn Tuấn

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

M1

Bùi Văn T1

